THÀNH PHẦN LOÀI THỰC VẬT HỌ ĐẬU (FABACEAE) Ở KHU RỪNG DI TÍCH LỊCH SỬ VÀ CẢNH QUAN MÔI TRƯỜNG MƯỜNG PHĂNG - PÁ KHOANG, HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Vũ Thị Liên[1], Nguyễn Thị Minh Châu[1], Hoàng Thị Thanh Hà[1], Phạm Thị Thanh Tú[1], Đinh Văn Thái[1], Phạm Hồng Thái [2]

[1]Trường Đại học Tây Bắc, phường Quyết Tâm, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La;
[2]Trường Cao đẳng sư phạm Điện Biên, tổ 2 phường Mường Thanh, TP. Điện Biên Phủ

Tóm tắt: *Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá thành phần loài thực vật và tính đa dạng của họ Đậu (Fabaceae) ở Khu rừng Di tích lịch sử và cảnh quan môi trường Mường Phăng - Pá Khoang, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Sử dụng phương pháp nghiên cứu thực vật học truyền thống để điều tra, đánh giá trong thời gian thực hiện từ tháng 3/2018 đến tháng 11/2020. Kết quả nghiên cứu đã xác định được 52 loài, 32 chi của họ Đậu (Fabaceae). Các chi đa dạng nhất của họ Đậu (Fabaceae) là Bauhini, Crotalaria và Desmodium với 5 loài, sau đó là chi Senna và Acacia 3 loài, sau đó là các chi Caesalpinia, Pueraria, Uraria và Mimosa cùng có 2 loài. Có 9 nhóm giá trị sử dụng khác nhau, trong đó số lượng loài thuộc nhóm cây sử dụng làm thuốc chiếm ưu thế với 50 loài, sau đó là nhóm cây làm thực phẩm với 10 loài, tiếp đó là nhóm cây cho gỗ và làm cảnh cùng có 8 loài; nhóm cây làm thức ăn cho vật nuôi với 3 loài; nhóm cây làm phân xanh, làm dây buộc và nhóm cây cho độc với 2 loài. Có 3 yếu tố địa lý chính là các yếu tố nhiệt đới châu Á, yếu tố các loài cây trồng và yếu tố cận đặc hữu Việt Nam*

Từ khóa: *Họ Đậu, Đa dạng, giá trị sử dụng, yếu tố địa lý, Điện Biên*

1. Đặt vấn đề

Trên thế giới họ Đậu (Fabaceae) được coi là một trong những họ thực vật lớn, giàu loài trong ngành Ngọc Lan (Magnoliophyta) có khoảng 17.600 loài, 710 chi [2].

Ở Việt Nam Nguyễn Nghĩa Thìn (1997)[16] đã thống kê họ Đậu có 400 loài. Phạm Hoàng Hộ (1999) [9] đã mô tả 698 loài của 128 chi họ Đậu, trong đó: phân họ Trinh nữ (Mimosoideae) gồm 85 loài của 16 chi; phân họ Vang (Caesalpinioideae) gồm 124 loài của 24 chi và phân họ Đậu (Faboideae) gồm 489 loài của 88 chi. Nguyễn Tiến Bân (chủ biên) và cs (2003) đã thống kê họ Đậu (gồm cả 3 họ Caesalpiniaceae, Fabaceae và Mimosaceae) với tổng số 568 loài của 132 chi, trong đó: họ Trinh nữ (Mimosaceae) có 83 loài với 16 chi ; họ Vang (Caesalpiniaceae) có 116 loài với 24 chi và họ Đậu (Fabaceae) có 469 loài với 92 chi [1]. Nguyễn Thọ Biên (2017) [3] nghiên cứu xây dựng Danh lục Tài nguyên dược liệu tỉnh Lâm Đồng, kết quả đã xác định được họ Đậu có 76 chi và 139 loài. Phạm Hồng Ban, Nguyễn Danh Hùng, 2017[2] đã xác định được 85 loài họ Đậu thuộc 32 chi, trong 3 phân họ ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt, Nghệ An. Nhiều loài cây trong họ này có ý nghĩa to lớn đối với nền kinh tế quốc dân và đời sống con người bởi nhiều công dụng khác nhau như làm thức ăn, làm thuốc, làm cảnh, cải tạo đất, cho gỗ, … Với những giá trị to lớn đó họ Đậu (Fabaceae) đang là đối tượng được các nhà khoa học quan tâm và nghiên cứu để bảo tồn, phát triển và khai thác phục vụ cho sự phát triển kinh tế của đất nước. Khu rừng Di tích lịch sử và cảnh quan môi trường Mường Phăng - Pá Khoang huyện Điện Biên, có có tọa độ địa lý từ 21 ^{0}37’ 97’’ đến 21^0 49’43’’ vĩ độ Bắc; từ 103^{0}05’47’’ đến 103^{0}18’58’’ độ kinh đông, diện tích tự nhiên là 9.158,56 ha [10]. Hệ thực vật ở đây khá đa dạng, đã có một số công trình nghiên cứu về thực vật tại nơi đây, nhưng chủ yếu tập trung vào nhóm cây làm thuốc như của tác giả Vũ Thị Liên, Hù Thị Mé, Hoàng Thị Thanh Hà [13], có rất ít công trình chuyên sâu nghiên cứu về một họ nào đó. Do vậy, nghiên cứu thành phần loài họ Đậu (Fabaceae) tại khu rừng di tích lịch sử và cảnh quan môi trương Mường Phăng - Pá Khoang, huyện Điên Biên, tỉnh Điên Biên đã được lựa chọn nhằm để cung cấp thêm những dẫn liệu, góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên đa dạng loài, phát triển tài nguyên thực vật một cách hợp

lý đồng thời làm cơ sở khoa học cho các nghiên cứu tiếp theo tại địa điểm nghiên cứu.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các loài thực vật thuộc họ Đậu (Fabaceae) phân bố ngoài tự nhiên và được người dân trồng tại khu rừng di tích lịch sử và cảnh quan môi trường Mường Phăng - Pá Khoang, huyện Điên Biên, tỉnh Điên Biên

- **Thời gian**: Tiến hành trong thời gian từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 11 năm 2020

2.2.Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp kế thừa tài liệu: Kế thừa số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội ở khu rừng di tích lịch sử và cảnh quan môi trường Mường Phăng - Pá Khoang, huyện Điên Biên, tỉnh Điên Biên

- Pháp nghiên cứu thực vật: Phương pháp lập tuyến điều tra, thu và bảo quản mẫu thực vật được thực hiện theo Nguyễn Nghĩa Thìn (2008) [17].

Điều tra theo tuyến: Lập tuyến điều tra dựa vào kết quả điều tra sơ bộ và dựa vào bản đồ địa hình và bản đồ hiện trạng sử dụng đất của khu vực nghiên cứu tiến hành lập 6 tuyến điều tra (tổng chiều dài là 27 km) Mở rộng phạm vi điều tra trên mỗi tuyến về 2 bên khoảng 20m. Các tuyến này phân bố đi qua các sinh cảnh khác nhau của khu vực nghiên cứu. Trên các dạng sinh cảnh, tiến hành lập 5 ô tiêu chuẩn lớn 1000 m^2 với kích thước 40 x 25 m.

Lập ô tiêu chuẩn : Trong ô tiêu chuẩn tiến hành lập 5 ô dạng bản ở 4 góc và 1 ô chính giữa có diện tích là 25m^2 (5m x 5m). Ngoài ra còn điều tra bổ sung tại vườn nhà người dân và thu mẫu tiêu bản tại thực địa.Trên mỗi tuyến thu thập, ghi lại đặc điểm hình thái, thống kê các loài cây trong họ Đậu, chụp ảnh mẫu, sử dụng GPS để xác định tọa độ địa lý, độ cao phân bố các loài cây trong họ Đậu … Việc điều tra tại các tuyến có đi cùng người dân địa phương và được ghi vào mẫu phiếu điều tra với các thông tin như tên địa phương, tên khoa học, tên phổ thông, dạng sống, sinh cảnh, công dụng, bộ phận sử dụng, mùa thu hái, cách chế biến.

- Phương pháp phân tích mẫu vật: Xác định tên khoa học các loài thực vật sử dụng phương pháp hình thái so sánh theo các tài liệu sau: Cây cỏ Việt Nam của Phạm Hoàng Hộ (1999 - 2000) [9]; Danh lục các loài Thực vật Việt Nam của Nguyễn Tiến Bân (2005) [1]; Từ điển cây thuốc của Võ Văn Chi (2012) [5]; Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam của Đỗ Tất Lợi (1999) [12]. Thống kê các giá trị sử dụng dựa vào các kết quả điều tra và thu thập thêm thông tin kinh nghiệm sử dụng của người dân địa phương và các tài liệu của Võ Văn Chi (tập 1,2) [5], Triệu Văn Hùng [11], Đỗ Tất Lợi [12], Trần Đình Lý [14]. Mẫu vật được lưu giữ tại phòng Bảo tàng, trường Đại học Tây Bắc. Lập danh lục thực vật theo Brummitt (1992) [4]. Xác định yếu tố địa lý thực vật của họ Đậu trên cơ sở bảng phân loại các yếu tố địa lý thực vật của Post Tamas (1965)[15] và Nguyễn Nghĩa Thìn (1997) [16]. Xác định phổ dạng sống sử dụng thang phân chia phổ dạng sống của Raunkiaer (1934) [19], có bổ sung của Nguyễn Nghĩa Thìn (2004) [18].

- Phương pháp điều tra phỏng vấn: Theo các phương pháp nghiên cứu thực vật dân tộc học gồm phương pháp RRA(RRA-Rurla RapidAppraisal- Phương pháp đánh giá nhanh nông thôn) và phương pháp PRA (PRA-Participatory Rural Appraisal - Phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân) Gary J. Martin (2002) [7], Cunningham, 2001[6] và Given và Harris, 1994 [8]. Có tổng số 150 người cung cấp thông tin (người thu hái và gây trồng, người tiêu dùng và người buôn bán) trong độ tuổi từ 20 đến 70 tuổi đã trả lời phỏng vấn. Thông tin được thu thập bao gồm các dữ liệu khác nhau như tên, dân tộc, giới tính, tuổi, trình độ học vấn, kinh nghiệm, tên phổ thông và tên địa phương,công dụng, phương pháp chế biến, phương pháp sử dụng, nơi thu hái mùa thu hái của các loài cây thực vật trong họ Đậu

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Đa dạng loài thực vật cây họ Đậu (Fabaceae) tại khu vực nghiên cứu

Kết quả phân loại tại khu vực nghiên cứu, bước đầu đề tài đã xác định được 52 loài thuộc 32 chi (bảng 1).

Bảng 1. Danh lục họ Đậu (Fabaceae) ở Khu rừng di tích lịch sử và cảnh quan môi trường Mường Phăng - Pá Khoang, huyện Điên Biên

Stt	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Dạng sống	Yếu tố địa lý	GTSD
	Subfam.1. Caesalpiniaceae	Phân họ Vang			
1	*Bauhinia acuminata* L.	Móng bò trắng	Na	4	Ca,Th
2	*Bauhinia curtisii* Prain	Dây mấu	Lp	4.4	Db,Th
3	*Bauhinia malabarica* Roxb	Móng bò tai voi	Me	4.2	Tp,Th
4	*Bauhinia rubro-villosa* K.Larsen & S.S.Larsen	Móng bò lông đỏ	Lp	4.4	Th
5	*Bauhinia variegata* L.	Hoa ban	Me	4	Ca,Th,Tp
6	*Caesalpinia minax* Hance	Vuốt hùm	Lp	4	Th
7	*Caesalpinia sappan* L	Tô mộc	Me	4	Th,Go
8	*Cassia hirsuta* L *Senna hirsuta* (L.) H.S.Irwin & Barneby	Muồng hôi	Na	2.1	Th, Tp
9	*Chamaecrista mimosoides* (L.) Greene	Muồng trinh nữ	Th	2	Th
10	*Peltophorum pterocarpum* (DC.) K.Heyne	Lim xẹt	Me	3.1	Go, Ca, Th
11	*Saraca dives* Pierre	Vàng anh	Me	4.4	Go,Tp,Ca,Th
12	*Senna hirsuta* (L.) H.S.Irwin & Barneby	Muồng lông	Na	7	Th
13	*Senna occidentalis* (L.) Link,	Muồng lá khế	Na	7	Th
14	*Senna siamea* (Lam.) H.S.Irwin & Barneby	Muồng đen	Me	2	Th, Go,Ca
15	*Senna tora* (L.) Roxb.	Thảo quyết minh	Hp	2.3	Th
16	*Tamarindus indica* L.	Me	Me	3.2	Tp,Th
	2. Faboideae	Phân họ Đậu			
17	*Abrus precatorius* L. .	Cam thảo dây	Lp	3.2	Th
18	*Crotalaria albida* Roth.	Sục sạc trắng	Ch	4	Th
19	*Crotalaria assamica* Benth.	Lục lạc một lá	Na	4	Th
20	*Crotalaria montana* Roth	Sục sạc núi	Ch	4.4	Th
21	*Crotalaria pallida* Aiton	Lục lạc ba lá tròn	Ch	3	Th
22	*Crotalaria tetragona* Andrews	Sục Sạc Bốn Cạnh (K cuống)	Ch	4.4	Th
23	*Dalbergia tonkinensis* Prain	Sưa	Me	6.1	Go,Ca
24	*Delonix regia* (Hook.) Raf.	Phượng vĩ	Mg	3.2	Ca,Th
25	*Desmodium styracifolium* (Osb.) Merr.	Kim tiền thảo	Hp	4,4	Th
26	*Dendrolobium triangulare* (Retz.) Schindl.	Ba chẽ	Na	4	Th
27	*Desmodium heterophyllum* (Willd.) DC	Hàn the	Hp	2	Th

28	*Desmodium triflorum* (L.) DC.	Hàn the ba hoa	Hm	2	Th
29	*Desmodium heterocarpon* subsp. *ovalifolium* (Prain) H.Ohashi	Thóc lép dị quả lá xoan, Lạc địa	Ch	4.1	Th, Tavn
30	*Derris elliptica* (Wall.) Benth.	Dây mật	Lp	**4**	Th, Đoc
31	*Erythrina variegata* L.	Vông nem	Me	4.2	Th,Tp
32	*Flemingia strobilifera* var. *fluminalis* (Prain) Thuan	Tóp mỡ suối	Na	4.4	Th
33	*Indigofera tinctoria* L. .	Chàm nhuộm	Na	2	Nh,Th
34	*Lablab purpureus* (L.) Sweet.	Đậu ván	Lp	7	Tp,Th
35	*Mucuna pruriens* (L.) DC	Đậu mèo rừng	Lp	4	Th,Px
36	*Millettia ichthyochtona* Drake	Thàn mát	Me	4.5	Go, Th
37	*Ormosia balansae* Drake	Ràng ràng mít	Me	4.4	Th,Go
38	*Pachyrhizus erosus* (L.) Urb	Củ đậu	Lp	2.1	Th,Tp,Đoc
39	*Pueraria montana* (Lour.) Merr.	Cây sắn dây rừng	Lp	4	Th, DB,Tavn
40	*Pueraria phaseoloides* (Roxb.) Benth	Đậu ma	Lp	3.1	Th
	Pycnospora lutescens (Poir.) Schindl	Quần Châu	Na	3.1	Th, Px
42	*Tadehagi triquetrum* (L.) H.Ohashi	Cổ bình	Na	3.1	Th
43	*Tephrosia candida* (L.) DC	Cốt khí thân trắng	Ch	4.1	Th
44	*Uraria crinita* (L.) DC.	Đuôi chồn quả đen	Na	4	Th
45	*Uraria lagopodioides* (L.)DC.	Đuôi chồn chân thỏ	Na	4	Th
	3. Mimosoideae	Phân họTrinh nữ			
46	*Acacia auriculiformis* Benth.	Keo lá chàm	Me	7	Go
47	*Acacia caesia* (L.) Willd	Dây sống rắn	Lp	4	Th
48	*Acacia pennata* (L.) Willd	Rau gai thối	Na	4.5	Tp,Th
49	*Archidendron clypearia* (Jack) I.C.Nielsen	Mán đỉa	Me	4	Ca,Th
50	*Leucaena leucocephala* (Lam.) de Wit	Keo dậu	Mi	7	Th,Tp, Tavn
51	*Mimosa pudica* L.	Trinh nữ	Na	7	Th
52	*Mimosa pudica* var. *tetrandra* (Willd.) DC**.**	Xấu hổ	Hm	7	Th

Ghi chú:

Dạng sống (DS): Cây chồi trên rất lớn (Mg); Cây chồi trên lớn (Me); Cây chồi trên vừa (Mi) ; Cây chồi trên nhỏ (Na); Cây chồi trên thảo sống lâu năm (Hp) Cây chồi sát đất (Ch); Cây chồi nửa ẩn(Hm); Cây chồi một năm (Th).

Giá trị sử dụng (GTSD): Th (Cây làm thuốc); Ca (cây cảnh): Tp (Cây làm thực phẩm); Tavn: (Thức ăn vật nuôi);

Yếu tố địa lý (YTĐL): 2. Yếu tố liên nhiệt đới; 2.1.Yếu tố nhiệt đới Á-Úc-Mỹ; 3.Yếu tố cổ nhiệt đới ;3.1. Yếu tố nhiệt đới châu Á – châu Úc; 3.2. Nhiệt đới châu Á và Châu Phi;4.Yếu tố nhiệt đới châu Á; 4.1. Yếu tố đông Dương – Maleixia; 4.2. Lục địa châu Á nhiệt đới; 4.4. Đông Dương – Nam Trung Quốc; 4,5.Yếu tố Đông Dương; 6.1. Yếu tố cận đặc hữu Việt Nam ;7. Nhóm cây trồng.

Đa dạng các chi

Kết quả điều tra, thống kê số lượng loài của các chi có trong họ Đậu (Fabaceae) ở Khu rừng di tích lịch sử và cảnh quan môi trường Mường Phăng – Pá Khoang, huyện Điên Biên, tỉnh Điện Biên được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Sự phân bố số lượng loài trong các chi của họ Đậu (Fabaceae)

STT	Tên chi	Số loài	Tỉ lệ %
1	*Bauhinia, Crotalaria, Desmodium*	5	9.62
2	*Senna, Acacia*	3	5.77
3	*Caesalpinia, Pueraria, Uraria, Mimosa*	2	3,85
4	*Cassia, Chamaecrista, Pletophorum, Saraca, Tamarindus, Abrus, Dalbergia, Delonix, Derris, Erythrina, Flemingia, Indigofera, Lablab, Mucuna Millettia, Ormosia, Pachyrhizus, Seneglia, Tadehagi, Tephrosia, Archidendron, Leucaena, Pycnospora.*	1	1,92

Trong số 32 chi thuộc họ Đậu (Fabaceae) ở khu vực nghiên cứu cho thấy số lượng loài trong mỗi chi là không đều nhau, chi giàu loài nhất là *Bauhinia, Crotalaria và Desmodium* với 5 loài, chiếm 9,62% tổng số loài, tiếp đến là *chi Senna và Acacia* 3 loài (chiếm 5,77%); các chi *Caesalpinia, Pueraria, Uraria và Mimosa cùng có* 2 loài (chiếm 3,85%); Số chi còn lại dưới 2 loài.

3.2. Đa dạng về dạng sống

Dạng sống nói lên bản chất sinh thái của hệ thực vật cũng như các hệ sinh thái khác. Kết quả phân tích phổ dạng sống của họ Đậu ở khu vực nghiên cứu được trình bày (Bảng 1 và Hình 1), với 9 kiểu dạng sống thuộc 4 nhóm: Nhóm cây chồi trên (Ph), nhóm cây chồi sát đất (Ch), nhóm cây chồi nửa ẩn (Hm) và nhóm cây chồi một năm (Th)

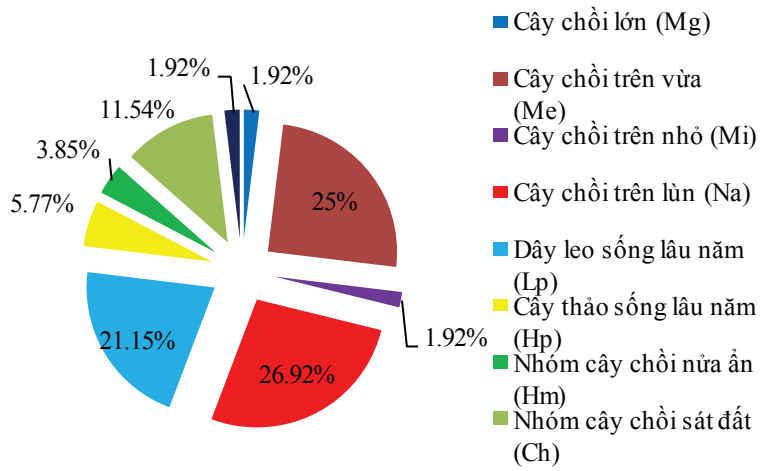

Hình 1.Tỷ lệ % về giá trị sử dụng của các loài thực vật trong họ Đậu (Fabaceae)

Qua Hình1 cho thấy, trong các nhóm dạng sống thì nhóm cây chồi trên (Ph) chiếm ưu thế với 43 loài, chiếm 82,69% tổng số loài cây trong họ Đậu so với các nhóm còn lại. Điều này cũng được chỉ ra trong nghiên cứu của Phạm Hồng Ban, Nguyễn Danh Hùng, 2017 [2]. Chúng chủ yếu thuộc 6 dạng chính như: cây chồi trên vừa (Me), cây chồi trên lùn (Na), dây leo sống lâu năm (Lp), cây thảo sống lâu năm (Hp), cây chồi lớn (Mg) và cây chồi trên nhỏ (Mi). Tiếp đến là nhóm dạng sống cây chồi sát đất (Ch) với 6 loài (chiếm 11,54 %), nhóm cây chồi nửa ẩn (Hm) với 2 loài (3,85%) và nhóm cây chồi 1 năm (Th) với 1 loài (1,92%). Phổ dạng sống của họ Đậu ở Khu rừng di tích lịch sử và cảnh quan môi trường Mường Phăng – Pá Khoang, huyện Điên Biên là: SB = 82,35Ph + 11,76 Ch + 3,93Hm + 1,96Th.

3.3. Đa dạng về yếu tố địa lý

Việc phân tích về yếu tố địa lý của các loài cây trong họ Đậu định hướng cho ta thấy nguồn nguyên liệu và sự phân bố của các loài cây trong họ Đậu để dễ dàng trong việc khai thác và sử dụng. Từ đó đưa ra các chính sách và biện pháp phù hợp cho quá trình khai thác và sử dụng một cách có hiệu quả các loài cây trong họ Đậu tại khu vực nghiên cứu.

Từ bảng danh lục (Bảng1) các loài thực vật thuộc họ Đậu (Fabaceae) áp dụng hệ thống phân loại các yếu tố địa lý theo Nguyễn Nghĩa Thìn (2008) [13], đã xác định được sự phân bố yếu tố địa lý của 52 loài trong họ Đậu (Fabaceae) ở Khu rừng di tích lịch sử và cảnh quan môi trường Mường Phăng - Pá Khoang, huyện Điên Biên. Kết quả được trình bày tại Bảng 2 cho thấy yếu tố nhiệt đới châu Á chiếm tỷ lệ cao nhất (26,92%), tương ứng với 14 loài, sau đó là yếu tố Đông Dương-Nam Trung Quốc với 8 loài (15,38%); tiếp đến các loài cây trồng với 7 loài (15,38%); yếu tố liên nhiệt đới chiếm 9,62% (tương đương với 5 loài) . Các loài thuộc yếu tố địa lý còn lại chiếm số lượng nhỏ gồm: yếu tố nhiệt đới châu Á và châu Úc có 4 loài (7,69%), yếu tố nhiệt đới Á-Úc-Mỹ có 3 loài (5,77%), yếu tố Đông Dương – Malezi, yếu tố lục địa châu Á nhiệt đới, yếu tố lục địa châu Á nhiệt đới và yếu tố Đông Dương với 2 loài, chiếm tỷ lệ 3,85%. Yếu tố nhiệt đới châu Á và châu Mĩ, yếu tố cổ nhiệt đới và cận đặc hữu chiếm tỷ lệ như nhau với 1 loài (1,92%). Từ Bảng 2 cho ta thấy nhóm các yếu tố nhiệt đới châu Á chiếm tỷ lệ cao 82,7% (tương ứng với 43 loài) và thấp nhất là nhóm cận đặc hữu Việt Nam với 1 loài, chiếm tỷ lệ 1,92% tổng số loài trong họ Đậu. Điều này chứng tỏ cho tính nhiệt đới điển hình của họ Đậu (Fabaceae) ở Khu rừng di tích lịch sử và cảnh quan môi trường Mường Phăng - Pá Khoang, huyện Điên Biên đặc trưng cho khu hệ thực vật nhiệt đới ẩm ở Việt Nam.

Bảng 2.Yếu tố địa lý của các loài trong họ Đậu (Fabaceae) ở Khu rừng di tích lịch sử và cảnh quan môi trường Mường Phăng - Pá Khoang, huyện Điên Biên

STT	Các yếu tố địa lý	Ký hiệu	Từng yếu tố		Nhóm các yếu tố	
			Số loài	Tỷ lệ %	Số loài	Tỷ lệ%
1	Yếu tố liên nhiệt đới	2	5	9,62	43	82,7
2	Yếu tố nhiệt đới Á-Úc-Mỹ	2.1	2	3,85		
3	Yếu tố nhiệt đới châu Á và châu Mĩ	2.3	1	1.92		
4	Yếu tố cổ nhiệt đới	3	1	1.92		
5	Yếu nhiệt đới châu Á và châu Úc	3.1	4	7,69		
6	Yếu tố nhiệt đới châu Á, châu Phi.	3.2	3	5,77		
7	Yếu tố nhiệt đới châu Á	4	14	26,92		
8	Yếu tố Đông Dương - Malezi	4.1	2	3,85		
9	Yếu tố lục địa châu Á nhiệt đới	4.2	2	3,85		
10	Yếu tố Đông Dương-Nam Trung Quốc	4.4	8	15,38		
11	Yếu tố Đông Dương	4.5	2	3,85		
12	Cận đặc hữu Việt Nam	6.1	1	1.92	1	1,92
13	Các loài cây trồng	7	7	15,38	8	13,46
Tổng số			54	100	54	100

3.4. Đa dạng về giá trị sử dụng

Giá trị sử dụng các loài họ Đậu (Fabaceae) ở Khu rừng di tích lịch sử và cảnh quan môi trường Mường Phăng – Pá Khoang, huyện Điên Biên được thống kê dựa trên kết quả điều tra, thu thập thông tin từ người dân địa phương và các tài liệu của Võ Văn Chi (2012) [5], Đỗ Tất Lợi [8], Trần Đình Lý và cộng sự (1993) [10], Nguyễn Thọ Biên (2017) [3] (Bảng 3).

Bảng 3. Giá trị sử dụng của các loài trong họ Đậu (Fabaceae) ở khu vực nghiên cứu

TT	Công dụng	Ký hiệu	Số lượt loài	Tỉ lệ %
1	Nhóm cây làm thuốc	Th	50	96,15
2	Nhóm cây làm thực phẩm (ăn được)	Tp	10	19,23
3	Nhóm cây cho gỗ	Go	8	15,38
4	Nhóm cây làm cảnh	Ca	8	15,38
5	Nhóm cây làm thức ăn cho vật nuôi	Tavn	3	5,77
6	Nhóm cây làm phân xanh	Px	2	3,85
7	Nhóm cây cho dây buộc	Db	2	3,85
8	Nhóm cây cho độc	Doc	2	3,85
9	Nhóm cây cho phẩm nhuộm	Nh	1	1,92

Ghi chú: Một loài có thể cho 01 hoặc nhiều giá trị sử dụng

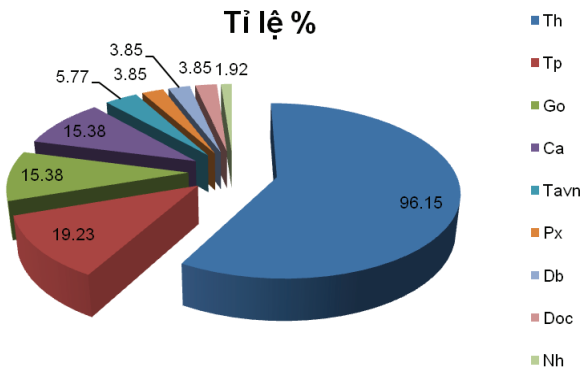

Hình 2.Tỷ lệ % số lượt loài về giá trị sử dụng của các loài trong họ Đậu (Fabaceae)

Giá trị sử dụng của các loài trong họ Đậu (Fabaceae) ở địa điểm nghiên cứu khá đa dạng. Đã xác định được 52 loài chiếm 100% tổng số loài trong họ Đậu được sử dụng vào các mục đích khác nhau, như làm thuốc, làm thực phẩm, cho gỗ và làm cảnh, cây làm thức ăn cho vật nuôi, cây làm phân xanh, làm dây buộc và cây cho độc. Trong đó, 1 loài có thể có 1 hoặc nhiều giá trị sử dụng khác nhau như: 1 loài có 4 giá trị sử dụng, 6 loài có 3 giá trị sử dụng, 19 loài có 2 giá trị sử dụng và 26 loài có 1 giá trị sử dụng. Giá trị sử dụng của các loài thực vật thuộc họ Đậu ở khu vực nghiên cứu được trình bày ở (Bảng 1, Bảng 3 và Hình 2)

Qua Bảng 1, Bảng 3 và Hình 2 cho thấy, trong 9 nhóm giá trị sử dụng, nhóm cây có giá trị làm thuốc (Th) có số loài cao nhất với 50 loài (96,15%) trong tổng số loài cây trong họ Đậu; tiếp đến là nhóm cây làm thực phẩm (ăn được) với 10 loài (chiếm 19,23%); cây cho gỗ và làm cảnh cùng có 8 loài, (chiếm 15,38% ; cây làm thức ăn cho vật nuôi (Tavn) với 3 loài, chiếm 5,77% ; cây làm phân xanh, làm dây buộc và cây cho độc với 2 loài, chiếm 3,85%.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã xác định được 52 loài, 32 chi của họ Đậu (Fabaceae). Các chi đa

dạng nhất của họ Đậu (Fabaceae) là *Bauhinia, Crotalaria và Desmodium* với 5 loài, sau đó là *chi Senna và Acacia* 3 loài, sau đó là các chi *Caesalpinia, Pueraria, Uraria và Mimosa cùng có* 2 loài.

Công thức phổ dạng sống của họ Đậu ở khu vực nghiên cứu là: SB = 82,35Ph + 11,76Ch + 3,93Hm + 1,96Th

Có 9 nhóm giá trị sử dụng khác nhau, trong đó số lượng loài thuộc nhóm cây sử dụng làm thuốc chiếm ưu thế với 50 loài, sau đó là nhóm cây làm thực phẩm với 10 loài, tiếp đó là nhóm cây cho gỗ và làm cảnh cùng có 8 loài; nhóm cây làm thức ăn cho vật nuôi với 3 loài; thấp nhất là nhóm cây làm phân xanh, làm dây buộc và nhóm cây cho độc với 2 loài. Có 3 yếu tố địa lý chính là các yếu tố nhiệt đới châu Á chiếm tỷ lệ cao 82,7%, tiếp đến các loài cây trồng chiếm 15,38% và thấp nhất yếu tố cận đặc hữu Việt Nam chiếm 1,92%.

Lời cảm ơn: *Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn sự tài trợ kinh phí từ đề tài cấp Bộ mã số CT-2019.06.05. Xin bày tỏ lòng biết ơn tới Ban giám đốc, cán bộ Rừng DTLS&CQMT Mường Phăng tỉnh Điện Biên đã tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình nghiên cứu. Cảm ơn người dân địa phương xã Mường Phăng và Pá Khoang huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, Sinh viên Hù Thị Mé Đại học K55 Nông học, Lò Thị Hiền Trang Đại học K56A QLTN&MT, Chá A Dơ ĐH K58 QLTN&MT trường ĐH Tây Bắc đã tham gia phỏng vấn, khảo sát thực địa.*

Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Tiến Bân (chủ biên) & cs, 2003. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập 2 (họ Đậu) tr. 704- 861). Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

[2]. Phạm Hồng Ban, Nguyễn Danh Hùng, 2017. Đa dạng họ Đậu (Fabaceae) ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt, Nghệ An. Hội nghị khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 7, tr.569- 573.

[3]. Nguyễn Thọ Biên, 2017. Danh lục tài nguyên dược liệu tỉnh Lâm Đồng.Nxb y học Hà Nội,354 tr.

[4]. Brummitt R.K, Vascular plant families and genera, Royal Botanic Gardens, Kew, 1992

[5]. Võ Văn Chi, 2012.Từ điển cây thuốc Việt Nam. Nxb Y học Hà Nội, tập 1: 1675 tr, tập 2:1541 tr.

[6]. Cunningham AB. 2001. Applied Ethnobotany: People Wild Plant Use and Conservation. People and Plants Conservation. London: Earthscan Publications.

[7]. Gary J. Martin, 2002. Thực vật dân tộc học.Sách về bảo tồn. Nxb Nông Nghiệp (Bản dịch tiếng Việt), 363 tr.

[8]. Given, D.R., Harris, W., 1994. Techniques and Methods of Ethnobotany: As An Aid to the Study, Evaluation, Conservation and Sustainable Use of Biodiversity. The Commonwealth Secretariat, Lincoln

[9]. Phạm Hoàng Hộ, 1999 – 2000. Cây cỏ Việt Nam, tập 1(họ Đậu tr. 815- 991). Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

[10]. Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên (2013). Nghị quyết số 303/NQ-HĐND về việc thông qua Quy hoạch bảo tồn ĐDSH tỉnh Điện Biên đến năm 2020, hướng đến năm 2030.

[11]. Triệu Văn Hùng (Chủ biên), 2007. Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam, Nxb. Bản đồ, Hà Nội.

[12]. Đỗ Tất Lợi, 2005. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 1300 tr.

[13]. Vũ Thị Liên, Hù Thị Mé, Hoàng Thị Thanh Hà, 2017. Điều tra cây thuốc và giá trị sử dụng theo kinh nghiệm của dân tộc Mông tại xã Mường Phăng, huyện Điên Biên tỉnh Điện Biên. Hội nghị khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 7, tr.1311- 1316.

[14]. Trần Đình Lý, 1995. 1900 loài cây có ích.

Nxb Thế giới, Hà Nội, 544tr.

[15]. T. Pócs, 1965: Analyse aire-geographieque et escologique de la flore du Vietnam Nord. Eger (Hungary). Acta Acad. Paed. Agriensis

[16]. Nguyễn Nghĩa Thìn, 1997. Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.

[17]. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2008. Các phương pháp nghiên cứu thực vật. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 172 tr.

[18]. Nguyễn Nghĩa Thìn (2004). Đa dạng tài nguyên di truyền và tài nguyên thực vật. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

[19]. Raunkiaer C. (1934). Plant life forms, Claredon, Oxford, 104p

SPECIES COMPONENTSOF FABACEAE IN THE HISTORY OF HISTORY AND ENVIRONMENT LANDSCAPES MUONG PHANG - PÁ KHOANG, DIEN BIEN DISTRICT, DIEN BIEN PROVINCE

Vu Thi Lien[1], Nguyen Thi Minh Chau[1], Hoang Thi Thanh Ha[1], Pham Thi Thanh Tu[1], Dinh Van Thai[1], Pham Hong Thai[2]

[1]Tay Bac University

[2]Dien Bien Teachers Training College, group 2, Muong Thanh ward, Dien Bien Phu city.

Abtracts: *The research was conducted to assess the species composition and the diversity of the Fabaceae family in the Muong Phang - Pa Khoang Historical Relic Forest and Environmental Landscape of the Forest, Dien Bien District, Dien Bien Province. The traditional botanical research methods were used to survey during the period from March 2018 to November 2020. The results have identified 52 species, 32 genera of the Fabaceae family. The most diverse genera of the Fabaceae family is Bauhinia, Crotalaria and Desmodium with 5 species; followed by Senna and Acacia genera with 3 species; and genera Caesalpinia, Pueraria, Uraria and Mimosa with 2 species. .There were 9 different groups of use-value, in which the group of medicinal plants dominates with 50 species, followed by the group of food plants with 10 species, the group of trees for wood and ornamental plants with 8 species; the group of plants for animal feed with 3 species; the group of plants for green manure, lanyards and poisonous plants with 2 species. There were 3 main geographic factors were: Asian tropical factors , plant species factor and Vietnamese sub-endemic factor.*

Keywords: *Fabaceae, Diversity, Value, Phytogeographical, Đien Bien.*

Ngày nhận bài: 26/10/2020; Ngày nhận đăng: 2/12/2020

Liên hệ: Email-luocvang2018@utb.edu.vn